

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 02 - 2026
“V/v tranh chấp Ly hôn,
và quyền trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung.

2. Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền; Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm: 1990 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 17, ấp C, phường TN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Cao Thị Lệ N, sinh năm: 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2025 nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Cao Thị Lệ N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là xã TN, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 09/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay.

Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đức T xác định trong quá trình chung sống với chị N, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Ngọc A T, sinh ngày 16/10/2017, giới tính: nữ. Hiện nay anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc A T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, nhưng chị Cao Thị Lệ N không đến và cũng không có cung cấp lời khai nên Tòa án không có ghi nhận được ý kiến của chị N.

Anh Nguyễn Đức T khởi kiện chị Cao Thị Lệ N về việc tranh chấp “Ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Tây Ninh tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị N là hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, gây gổ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh T yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đức T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 16/10/2017, giới tính: nữ. Xét thấy, anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp nuôi con; anh T cũng có thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, yêu cầu của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị N nhưng phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về nợ chung, tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bị đơn chị Cao Thị Lệ N không có lời khai trong hồ sơ và vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn thì có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, nguyên đơn có mặt nhưng bị đơn vắng mặt, không tiến tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Anh T và chị N đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 16/10/2017, giới tính: nữ. Xét thấy, anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp nuôi con; anh T cũng có thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, yêu cầu của anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Từ những chứng cứ có trong hồ sơ, qua phân tích đánh giá như trên; Xét thấy: Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T là có căn cứ.

[2.6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Cao Thị Lệ N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 16/10/2017, giới tính: nữ cho anh Nguyễn Đức T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Chị Cao Thị Lệ N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001648 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Tây Ninh), anh T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9-Tây Ninh;
- Phòng THA DS khu vực 9-Tây Ninh;
- Các đ/s;
- UBND phường Tây Nam, TP.Hồ Chí Minh;
- UBND xã Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ khanh